

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 997/STP-XDKT&TDTHPL
V/v xử lý vi phạm pháp luật
trong phòng, chống dịch Covid-19

Hải Dương, ngày 17 tháng 8 năm 2020

SỞ GD VÀ ĐT HẢI DƯƠNG	
ĐẾN	Số: 849
Chuyên: T. Na	Ngày: 19/8/2020
Lưu hồ sơ số:	

Kính gửi:

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành;
- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 27/3/2020, Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020, Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 và Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 13/8/2020, Quyết định số 2332/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của UBND tỉnh về việc thực hiện một số biện pháp cấp bách, áp dụng tình trạng khẩn cấp trong phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Để thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật và triển khai đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, của UBND tỉnh nhằm giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm cộng đồng; căn cứ sự chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tư pháp hướng dẫn thực hiện xử lý vi phạm pháp luật đối với một số hành vi vi phạm pháp luật trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 như sau:

I. NHÓM CÁC HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT CÓ THỂ XẢY RA TRONG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19

1. Hành vi không thực hiện đeo khẩu trang khi tham gia nơi công cộng hoặc ra đường thuộc diện không cần thiết:

- *Mức phạt:* Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng.
- *Thẩm quyền xử phạt:* Chủ tịch UBND cấp xã; Thanh tra viên y tế.
- *Quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế.*

2. Hành vi vứt khẩu trang, các chất, vật dụng đã sử dụng không đúng nơi quy định có khả năng làm lây lan bệnh Covid-19:

- *Mức phạt:* Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức).
- *Thẩm quyền xử phạt:* Chủ tịch UBND cấp xã; Chánh thanh tra Sở Y tế.
- *Quy định tại Khoản 5 Điều 4 và Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế.*

3. Hành vi không khai báo khi phát hiện người mắc bệnh Covid-19:

- *Mức phạt:* Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng.
- *Thẩm quyền xử phạt:* Chủ tịch UBND cấp xã; Thanh tra viên y tế.

- *Quy định* tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế.

4. Hành vi không thực hiện việc xét nghiệm phát hiện bệnh Covid-19 theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

- *Mức phạt*: Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

- *Thẩm quyền xử phạt*: Chủ tịch UBND cấp xã; Chánh thanh tra Sở Y tế.

- *Quy định* tại Điểm b Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế.

5. Hành vi không khai báo hoặc khai báo không trung thực, kịp thời diễn biến bệnh Covid-19 của bản thân với thầy thuốc, nhân viên y tế được giao nhiệm vụ:

- *Mức phạt*: Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng.

- *Thẩm quyền xử phạt*: Chủ tịch UBND cấp xã; Thanh tra viên y tế.

- *Quy định* tại Điểm a Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế.

* *Xử lý hình sự*: Trường hợp làm lây lan dịch bệnh Covid-19 cho người khác sẽ bị xử lý theo điểm c khoản 1 Điều 240 Bộ luật Hình sự năm 2015.

6. Hành vi không tuân thủ chỉ định, hướng dẫn phòng, chống lây nhiễm bệnh Covid-19 của thầy thuốc, nhân viên y tế và nội quy, quy chế của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:

- *Mức phạt*: Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng.

- *Thẩm quyền xử phạt*: Chủ tịch UBND cấp xã; Thanh tra viên y tế.

- *Quy định* tại Điểm b Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế.

* *Xử lý hình sự*: Trường hợp người đã được thông báo mắc bệnh; người nghi ngờ mắc bệnh hoặc trở về từ vùng có dịch bệnh Covid-19 đã được thông báo cách ly có hành vi trên, gây lây truyền dịch bệnh Covid-19 cho người khác sẽ bị xử lý theo điểm c khoản 1 Điều 240 Bộ luật Hình sự năm 2015.

7. Hành vi không đăng ký theo dõi sức khỏe với trạm y tế cấp xã nơi cư trú của người mắc bệnh Covid-19 sau khi ra khỏi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:

- *Mức phạt*: Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng.

- *Thẩm quyền xử phạt*: Chủ tịch UBND cấp xã; Thanh tra viên y tế.

- *Quy định* tại Điểm c Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế.

* *Xử lý hình sự*: Trường hợp làm lây lan dịch bệnh Covid-19 cho người khác sẽ bị xử lý theo điểm c khoản 1 Điều 240 Bộ luật Hình sự năm 2015.

8. Hành vi trốn khỏi nơi cách ly, không tuân thủ quy định về cách ly đối với người mắc bệnh Covid-19:

- *Mức phạt:* Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc thực hiện việc cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế theo quy định.

- *Thẩm quyền xử phạt:* Chủ tịch UBND cấp huyện; Chánh thanh tra Sở y tế.

- *Quy định* tại Khoản 2, 3 Điều 10 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế.

* *Xử lý hình sự:* Trường hợp làm lây lan dịch bệnh Covid-19 cho người khác sẽ bị xử lý theo điểm c khoản 1 Điều 240 Bộ luật Hình sự năm 2015.

9. Hành vi che giấu tình trạng bệnh của mình hoặc của người khác khi mắc bệnh Covid-19:

- *Mức phạt:* Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

- *Thẩm quyền xử phạt:* Chủ tịch UBND cấp xã; Chánh thanh tra Sở y tế.

- *Quy định* tại Điểm a Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt VPC trong lĩnh vực y tế.

10. Hành vi không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống công cộng có nguy cơ làm lây truyền dịch bệnh Covid-19 tại vùng có dịch:

- *Mức phạt:* Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức).

- *Thẩm quyền xử phạt:* Chủ tịch UBND cấp huyện; Chánh thanh tra Sở Y tế.

- *Quy định* tại Khoản 5 Điều 4 và Điểm a Khoản 4 Điều 11 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế.

11. Hành vi tập trung quá 02 người trở lên tại nơi công cộng, ngoài phạm vi công sở, trường học, bệnh viện và không giữ khoảng cách tối thiểu 2m để phòng, chống dịch Covid-19:

- *Mức phạt:* Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức).

- *Thẩm quyền xử phạt:* Chủ tịch UBND cấp huyện; Chánh thanh tra Sở y tế.

- *Quy định* tại Khoản 5 Điều 4 và Điểm c Khoản 4 Điều 11 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế.

12. Hành vi không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại nơi công cộng để phòng, chống dịch bệnh Covid-19:

- *Mức phạt:* Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức).

- *Thẩm quyền xử phạt:* Chủ tịch UBND cấp huyện; Chánh thanh tra Sở y tế.

- *Quy định* tại Khoản 5 Điều 4 và Điểm c Khoản 4 Điều 11 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế.

* *Xử lý hình sự*: Trường hợp chủ cơ sở kinh doanh, người quản lý cơ sở kinh doanh dịch vụ (như: quán bar, karaoke, dịch vụ mát xa, cơ sở thẩm mỹ, phòng tập gym/yoga/game, rạp chiếu phim...) thực hiện hoạt động kinh doanh khi đã có quyết định tạm đình chỉ hoạt động kinh doanh để phòng chống dịch Covid-19, gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng trở lên do phát sinh chi phí phòng, chống dịch bệnh sẽ bị xử lý theo Điều 295 Bộ luật Hình sự năm 2015.

13. Hành vi không thực hiện quyết định kiểm tra, giám sát, xử lý y tế trước khi ra vào vùng có dịch Covid-19:

- *Mức phạt*: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- *Thẩm quyền xử phạt*: Chủ tịch UBND cấp huyện; Chánh thanh tra Sở y tế.

- *Quy định* tại Điểm a Khoản 5 Điều 11 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế.

14. Hành vi đưa tin sai sự thật về tình hình dịch bệnh Covid-19:

a) Hành vi cung cấp hoặc đưa tin sai về số liệu, tình hình dịch bệnh Covid-19 so với số liệu, tình hình dịch bệnh mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền về y tế đã công bố:

- *Mức phạt*: Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức) và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc cải chính thông tin sai sự thật trên phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn liên tục trong 03 ngày.

- *Thẩm quyền xử phạt*: Chủ tịch UBND cấp huyện; Chánh thanh tra Sở Y tế.

- *Quy định* tại Khoản 5 Điều 4, Điểm a Khoản 2 và 5 Điều 5 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế.

b) Hành vi cung cấp nội dung thông tin sai sự thật, vu khống, xuyên tạc, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức và danh dự, nhân phẩm của cá nhân liên quan đến phòng, chống dịch Covid-19:

- *Mức phạt*: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức) và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc gỡ bỏ thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn hoặc thông tin vi phạm pháp luật do thực hiện hành vi vi phạm quy định.

- *Thẩm quyền xử phạt*: Giám đốc Công an tỉnh; Chánh thanh tra/Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Sở Thông tin và Truyền thông.

- *Quy định* tại Khoản 3 Điều 4; Khoản 1 và 3 Điều 101 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử.

* Xử lý hình sự: Trường hợp đưa lên mạng máy tính, mạng viễn thông thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, thông tin xuyên tạc về tình hình dịch bệnh Covid-19 có thể bị xử lý theo Điều 288 Bộ luật Hình sự năm 2015.

15. Hành vi không niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ liên quan đến phòng, chống dịch Covid-19 tại địa điểm phải niêm yết giá theo quy định của pháp luật hoặc niêm yết giá không đúng quy định, không rõ ràng gây nhầm lẫn cho khách hàng:

- *Mức phạt*: Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng; trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Mức phạt trên áp dụng đối với cá nhân (đối với tổ chức vi phạm bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân).

- *Thẩm quyền xử phạt*: Chủ tịch UBND cấp xã; Chánh thanh tra Sở Tài chính.

- *Quy định* tại Điểm a Khoản 5 Điều 3; Khoản 1 và Điểm a Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP).

16. Hành vi bán cao hơn giá niêm yết hàng hóa, dịch vụ liên quan đến phòng, chống dịch Covid-19 do tổ chức, cá nhân định giá không thuộc Danh mục bình ổn giá, hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hạn chế kinh doanh hoặc kinh doanh có điều kiện:

- *Mức phạt*: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức) và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc trả lại cho khách hàng số tiền đã thu cao hơn giá niêm yết, trường hợp không xác định được khách hàng để trả lại thì nộp vào ngân sách nhà nước.

- *Thẩm quyền xử phạt*: Chủ tịch UBND cấp huyện; Chánh Thanh tra Sở Tài chính.

- *Quy định* tại Điểm a Khoản 5 Điều 3; Khoản 3 và 7 Điều 12 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn.

17. Hành vi giúp đỡ, chứa chấp, che giấu, tạo điều kiện cho nước ngoài vào Việt Nam, ở lại Việt Nam hoặc qua lại biên giới quốc gia trái phép:

- *Mức phạt*: Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức). Người nước ngoài có hành vi VPHC, thì tùy theo mức độ vi phạm có thể còn bị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- *Thẩm quyền xử phạt*: Chủ tịch UBND tỉnh; Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh (phạt tiền và quyết định áp dụng hình thức xử phạt trục xuất - nếu có).

- *Quy định* tại Khoản 2 Điều 4; Điểm a Khoản 5 và Khoản 9 Điều 17 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.

* Xử lý hình sự: Hành vi liên quan đến quy định về xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép có thể bị xử lý theo Điều 347 và 348 Bộ luật Hình sự năm 2015.

18. Hành vi cản trở, chống lại người thi hành công vụ phòng, chống dịch Covid-19:

a) Hành vi cản trở; xúi giục, lôi kéo; kích động người khác không chấp hành yêu cầu thanh tra, kiểm tra, kiểm soát hoặc có lời nói, hành động đe dọa, lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người thi hành công vụ phòng, chống dịch Covid-19:

- *Mức phạt*: Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân (đối với tổ chức vi phạm bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân).

- *Thẩm quyền xử phạt*: Chủ tịch UBND cấp xã; Trưởng công an cấp huyện; Trưởng phòng thuộc công an tỉnh; Chánh thanh tra các Sở có liên quan, Đội trưởng Đội Quản lý thị trường đang thi hành công vụ .

- *Quy định* tại Khoản 2 Điều 4; Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.

b) Hành vi dùng vũ lực; đe dọa dùng vũ lực để chống người thi hành công vụ hoặc gây thiệt hại về tài sản, phương tiện của cơ quan nhà nước, của người thi hành công vụ phòng, chống dịch Covid-19 mà chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự:

- *Mức phạt*: Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân (đối với tổ chức vi phạm bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân).

- *Thẩm quyền xử phạt*: Chủ tịch UBND cấp huyện; Trưởng công an cấp huyện; Trưởng phòng thuộc công an tỉnh; Chánh thanh tra các Sở có liên quan, Đội trưởng Đội Quản lý thị trường đang thi hành công vụ .

- *Quy định* tại Khoản 2 Điều 4 và Điều a, b Khoản 3 Điều 20 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.

* Xử lý hình sự: Hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19 có thể bị xử lý theo Điều 330 Bộ luật Hình sự năm 2015.

II. THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH:

1. Thẩm quyền lập biên bản VPHC (trừ trường hợp xử phạt không lập biên bản theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Xử lý VPHC):

- Người có thẩm quyền xử phạt;

- Công chức, viên chức đang thi hành công vụ, nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực giao.

*** Lưu ý:**

- Các chức danh có thẩm quyền lập biên bản VPHC được quy định cụ thể tại các Nghị định xử phạt VPHC trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước;

- Người có thẩm quyền lập biên bản VPHC phải lập theo mẫu quy định và chịu trách nhiệm về việc lập biên bản.

2. Trình tự, thủ tục xử phạt VPHC:

Được thực hiện theo quy định của Luật Xử lý VPHC và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong đó cần lưu ý một số nội dung:

2.1. Lập Biên bản VPHC:

2.1.1. Khi phát hiện VPHC thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản (trừ trường hợp xử phạt không lập biên bản theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Xử lý VPHC).

Việc xử phạt VPHC không lập biên bản được áp dụng trong trường hợp xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức và người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt VPHC tại chỗ.

Quyết định xử phạt VPHC tại chỗ được thực hiện theo mẫu biểu MQĐ01 ban hành kèm theo Nghị định 97/2017/NĐ-CP đối với Chủ tịch UBND các cấp (trường hợp Thông tư của Bộ, ngành thuộc người có thẩm quyền xử phạt VPHC có quy định thì sử dụng mẫu biểu riêng).

2.1.2. Khi lập biên bản VPHC cần thực hiện theo các nội dung sau:

a) Về thẩm quyền lập biên bản: Người có thẩm quyền lập biên bản VPHC theo quy định tại Khoản 7, Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP.

b) Về thủ tục, nội dung lập biên bản VPHC;

- Biên bản VPHC phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; họ, tên, chức vụ người lập biên bản; họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm; hành vi vi phạm; biện pháp ngăn chặn VPHC và bảo đảm việc xử lý; tình trạng tang vật, phương tiện bị tạm giữ (nếu có); lời khai của người vi phạm hoặc gia đình của người vi phạm; nếu có người chứng kiến thì phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, lời khai của họ; quyền và thời hạn giải trình về VPHC của người vi phạm hoặc đại diện gia đình của người vi phạm; cơ quan tiếp nhận giải trình (nếu có).

Trường hợp người vi phạm, đại diện gia đình người vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cơ sở nơi xảy ra vi phạm hoặc của hai người chứng kiến;

- Một hành vi VPHC chỉ bị lập biên bản và ra quyết định xử phạt một lần.

Trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi VPHC trong cùng một vụ vi phạm, thì biên bản VPHC phải ghi rõ từng hành vi vi phạm;

Trường hợp hành vi vi phạm đã bị lập biên bản nhưng chưa ra quyết định xử phạt mà cá nhân, tổ chức không thực hiện yêu cầu, mệnh lệnh của người có thẩm quyền xử phạt, vẫn cố ý thực hiện hành vi vi phạm đó, thì người có thẩm quyền xử phạt phải áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC phù hợp để chấm dứt hành vi vi phạm. Khi ra quyết định xử phạt đối với hành vi đó, người có thẩm quyền xử phạt có thể áp dụng thêm tình tiết tăng nặng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 10 Luật Xử lý VPHC hoặc xử phạt đối với hành vi không thực hiện yêu cầu, mệnh lệnh của người có thẩm quyền xử phạt và xử phạt đối với hành vi vi phạm đã lập biên bản nhưng chưa ra quyết định xử phạt.

Trường hợp hành vi vi phạm đã bị ra quyết định xử phạt nhưng cá nhân, tổ chức vi phạm chưa thi hành hoặc đang thi hành quyết định mà sau đó vẫn tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm đó, thì hành vi vi phạm này được coi là hành vi vi phạm mới;

- Biên bản VPHC phải được lập thành ít nhất 02 bản, phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký; trường hợp người vi phạm không ký được thì điểm chỉ; nếu có người chứng kiến, hoặc đại diện gia đình thì họ cùng phải ký vào biên bản; trường hợp biên bản gồm nhiều tờ, thì những người được quy định (tham gia việc lập biên bản) phải ký vào từng tờ biên bản. Nếu người vi phạm, đại diện gia đình người vi phạm, người chứng kiến từ chối ký thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản;

- Biên bản VPHC lập xong phải giao cho cá nhân, đại diện gia đình người vi phạm 01 bản; trường hợp VPHC không thuộc thẩm quyền hoặc vượt quá thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì biên bản phải được chuyển ngay đến người có thẩm quyền xử phạt để tiến hành xử phạt.

Trường hợp người chưa thành niên VPHC (chưa đủ 18 tuổi) thì biên bản còn được gửi cho cha mẹ hoặc người giám hộ của người vi phạm;

c) Mẫu biểu: Sử dụng đúng mẫu biểu MBB01 ban hành kèm theo Nghị định 97/2017/NĐ-CP (trừ trường hợp Thông tư của Bộ, ngành thuộc người có thẩm quyền lập biên bản VPHC có quy định mẫu biểu riêng).

2.2. Xác minh tình tiết phức tạp của vụ việc VPHC:

Đối với những trường hợp có tình tiết phức tạp, trước khi ra quyết định xử phạt người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xác minh có hay không hành vi VPHC xảy ra trên thực tế, lỗi, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ... Hoạt động này thể hiện trước hoặc sau khi lập Biên bản VPHC và có thể được thực hiện cùng với các trình tự, thủ tục xử phạt tiếp theo cho đến khi ra quyết định xử phạt. Quá trình xác minh phải thể hiện bằng văn bản để đảm bảo tính khách quan, chính xác các tình tiết phức tạp của vụ việc vi phạm.

2.3. Đối với việc tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính: Phải thực hiện đúng theo quy định tại Điều 125 Luật Xử lý VPHC.

2.4. Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự và chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt VPHC:

- Trong quá trình xem xét vụ việc, người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm đánh giá đúng mức độ, tính chất của vụ việc vi phạm; nếu trường hợp vi phạm có tính chất, mức độ nghiêm trọng thì phải chuyển cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền hoặc ngược lại.

- Trình tự, thủ tục, thời hạn xem xét, chuyển hồ sơ vụ việc vi phạm giữa các cơ quan có thẩm quyền xử phạt và cơ quan tố tụng được thực hiện theo quy định tại Điều 62, Điều 63 của Luật Xử lý VPHC. Lưu ý, phải chấp hành đúng các quy định về thời hiệu xử lý VPHC, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với đối tượng vi phạm, tránh bỏ lọt tội phạm. Thời hạn ban hành quyết định xử phạt trong trường hợp này là 30 ngày hoặc tối đa 45 ngày.

2.4. Ra quyết định xử phạt VPHC:

a) Thời hạn ra quyết định xử phạt là 07 ngày kể từ ngày lập biên bản VPHC. Trường hợp phức tạp thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 30 ngày, trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 60 ngày (nhưng phải có văn bản gia hạn theo Khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý VPHC).

b) Trường hợp ban hành 01 hoặc nhiều quyết định xử phạt trong vụ việc có nhiều cá nhân, tổ chức cùng thực hiện một hành vi VPHC và trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi VPHC khác nhau trong cùng một vụ vi phạm để quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân.

c) Xác định mức tiền phạt trong các trường hợp cụ thể:

- Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi VPHC không có tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó. Mức trung bình của khung tiền phạt được xác định bằng trung bình giữa mức tối đa của khung tiền phạt và mức tối thiểu của khung tiền phạt.

- Đối với hành vi VPHC có tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 9 Luật Xử lý VPHC thì mức tiền phạt có thể được giảm xuống thấp hơn so với mức trung bình của khung hình phạt nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu của khung hình phạt đó; nếu có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 10 Luật Xử lý VPHC thì mức tiền phạt có thể tăng trên mức trung bình của khung hình phạt nhưng không được cao hơn mức tối đa của khung hình phạt đó.

- Đối với hành vi VPHC vừa có tình tiết giảm nhẹ, vừa có tình tiết tăng nặng thì xem xét theo nguyên tắc giảm trừ, cứ một tình tiết giảm nhẹ được giảm trừ một tình tiết tăng nặng. Sau khi giảm trừ, nếu không còn tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ thì xác định mức tiền phạt theo quy định tại điểm 1 của nội dung này; trường hợp còn tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng thì xác định mức tiền phạt theo quy định tại điểm 2 của nội dung này.

d) Thời hạn thi hành quyết định xử phạt là 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt, trừ trường hợp thời gian nhiều hơn được ghi trong quyết định.

đ) Một số nội dung lưu ý khi ban hành quyết định xử phạt VPHC:

- Sử dụng đúng mẫu biểu MQĐ02 ban hành kèm theo Nghị định 97/2017/NĐ-CP (trừ trường hợp Thông tư của Bộ, ngành thuộc người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt có quy định thì sử dụng mẫu biểu riêng).

- Trường hợp cấp phó ký quyết định thì phải ghi rõ văn bản ủy quyền.

- Ngày có hiệu lực của quyết định: Có thể từ ngày ký hoặc ghi ngày cụ thể trong quyết định.

- Các biện pháp khắc phục hậu quả: Phải ghi đúng hình thức khắc phục theo quy định của Luật Xử lý VPHC và các văn bản liên quan.

- Trường hợp phạt tiền thì phải ghi rõ tên, địa chỉ Kho bạc phải nộp hoặc tên Ngân hàng được Kho bạc nhà nước ủy quyền thu để người vi phạm thực hiện.

- Việc sửa đổi, bổ sung, đính chính, hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo Khoản 8, 9, 10, 11 và 12, Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP.

2.5. Công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng việc xử phạt đối với cá nhân, tổ chức VPHC: Phải thực hiện đúng theo quy định tại Điều 72 Luật Xử lý VPHC, Điều 8 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/07/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý VPHC và Điều 9 Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành kèm theo Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý VPHC trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

2.6. Cường chế thi hành quyết định xử phạt VPHC:

Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt VPHC không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt theo quy định thì sẽ bị cưỡng chế. Việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt VPHC được thực hiện theo Điều 85, 86, 87, 88 Luật Xử lý VPHC và Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt VPHC.

2.7. Lưu trữ hồ sơ xử phạt VPHC:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 57 Luật Xử lý VPHC và hướng dẫn của Bộ, ngành thuộc người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt theo quy định.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh trong công tác phòng, chống dịch Covid-19, đề nghị Thủ trưởng sở, ban, ngành; Chủ tịch các UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện.

Trong quá trình thực hiện công văn này, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp (qua Phòng xây dựng, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật - ĐT: 0912.687.984) để hướng dẫn và giải quyết theo quy định.

Kèm theo Công văn này 03 mẫu biểu áp dụng trong xử phạt VPHC đối với UBND các cấp./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý XLVPHC&TDTHPL, BTP;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- TT. BCĐ phòng chống dịch;
- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Lưu VT, XDKT&TDTHPL.

(để BC)

GIÁM ĐỐC



Ngô Quang Giáp

CƠ QUAN ⁽¹⁾CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BB-VPHC

BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH*

Về⁽²⁾

Hôm nay, hồi..... giờ phút, ngày...../...../....., tại⁽³⁾.....
Căn cứ⁽⁴⁾

Chúng tôi gồm:

1. Họ và tên: Chức vụ:

Cơ quan:

2. Với sự chứng kiến của⁽⁵⁾:

a) Họ và tên: Nghề nghiệp:

Nơi ở hiện nay:

b) Họ và tên: Nghề nghiệp:

Nơi ở hiện nay:

c) Họ và tên: Chức vụ:

Cơ quan:

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với <ông (bà)/tổ chức> có tên sau đây:

<1. Họ và tên>: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... Quốc tịch:

Nghề nghiệp:

Nơi ở hiện tại:

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu:.....; ngày cấp:...../...../.....; nơi cấp:.....

<1. Tên tổ chức vi phạm>:

Địa chỉ trụ sở chính:

Mã số doanh nghiệp:

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động:

Ngày cấp:...../...../.....; nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật⁽⁶⁾: Giới tính:Chức danh⁽⁷⁾:2. Đã có các hành vi vi phạm hành chính⁽⁸⁾:3. Quy định tại ⁽⁹⁾.....4. Cá nhân/tổ chức bị thiệt hại⁽¹⁰⁾:

5. Ý kiến trình bày của cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm:

6. Ý kiến trình bày của người chứng kiến (nếu có):.....

7. Ý kiến trình bày của cá nhân/tổ chức bị thiệt hại (nếu có):.....

8. Chúng tôi đã yêu cầu cá nhân/tổ chức vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm.

9. Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính được áp dụng, gồm⁽¹¹⁾:.....

10. Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, gồm:

STT	Tên tang vật, phương tiện vi phạm hành chính	Đơn vị tính	Số lượng	Chủng loại	Tình trạng	Ghi chú

11. Giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ, gồm:

STT	Tên giấy phép, chứng chỉ hành nghề	Số lượng	Tình trạng	Ghi chú

Ngoài những tang vật, phương tiện VPHC và các giấy tờ nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.

12. Trong thời hạn ⁽¹²⁾ ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản này, ông(bà)⁽¹³⁾..... là

cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm có quyền gửi <văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp/văn bản giải trình> đến ông (bà) ⁽¹⁴⁾ để thực hiện quyền giải trình.

Biên bản lập xong hồi giờ phút, ngày...../...../....., gồm tờ, được lập thành bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; giao cho ông (bà) ⁽¹³⁾ là cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm 01 bản, 01 bản lưu hồ sơ.

<Trường hợp cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm không ký biên bản>

Lý do ông (bà) ⁽¹³⁾ cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm không ký biên bản ⁽¹⁵⁾:

**CÁ NHÂN VI PHẠM HOẶC ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC VI PHẠM**

(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN

(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

NGƯỜI BỊ THIẾT HẠI

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

* Mẫu này được sử dụng để lập biên bản vi phạm hành chính quy định tại Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính.

⁽¹⁾ Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản.

⁽²⁾ Ghi tên lĩnh vực quản lý nhà nước theo tên của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể.

⁽³⁾ Ghi địa điểm lập biên bản là nơi xảy ra vi phạm hoặc trụ sở cơ quan làm việc của người có thẩm quyền lập biên bản.

⁽⁴⁾ Ghi đầy đủ các căn cứ của việc lập biên bản như: Kết luận thanh tra; biên bản làm việc; kết quả ghi nhận của phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều 64 Luật XLVPHC;....

⁽⁵⁾ Trường hợp cá nhân vi phạm/người đại diện tổ chức vi phạm không có mặt hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản, thì người có thẩm quyền lập biên bản phải mời 02 người chứng kiến hoặc mời đại diện Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi xảy ra vi phạm để chứng kiến.

⁽⁶⁾ Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

⁽⁷⁾ Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

⁽⁸⁾ Ghi tóm tắt mô tả hành vi vi phạm (ngày, giờ, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm,...), đối với vi phạm trên các vùng biển cần ghi rõ tên tàu, công suất máy chính, tổng dung tích/trọng tải toàn phần, tọa độ, hành trình.

⁽⁹⁾ Ghi điểm, khoản, điều của nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể.

⁽¹⁰⁾ Ghi họ và tên của người bị thiệt hại. Trường hợp tổ chức bị thiệt hại, thì ghi họ và tên, chức vụ người đại diện tổ chức bị thiệt hại và tên của tổ chức bị thiệt hại.

⁽¹¹⁾ Ghi cụ thể tên các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính đã được áp dụng.

⁽¹²⁾ Ghi cụ thể thời hạn: Không quá 02 ngày làm việc, trong trường hợp cá nhân/tổ chức vi phạm yêu cầu giải trình trực tiếp; không quá 05 ngày, trong trường hợp cá nhân/tổ chức vi phạm giải trình bằng văn bản.

⁽¹³⁾ Ghi họ và tên của cá nhân vi phạm/người đại diện tổ chức vi phạm. Nếu cá nhân vi phạm là người chưa thành niên, gửi cho cha/mẹ hoặc người giám hộ của người đó 01 bản.

⁽¹⁴⁾ Họ và tên, chức vụ của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

⁽¹⁵⁾ Ghi rõ lý do theo từng trường hợp cụ thể: Cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm không có mặt hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan khác....

CƠ QUAN ⁽¹⁾CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-XPVPHC

⁽²⁾, ngày tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục xử phạt không lập biên bản*

Căn cứ Điều 56 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ ⁽³⁾

Căn cứ Quyết định về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số .../QĐ-GQXP ngày .../.../ (nếu có),

Tôi:

Chức vụ ⁽⁴⁾:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục xử phạt không lập biên bản đối với <ông (bà)/tổ chức> có tên sau đây:

<1. Họ và tên>: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: .../.../ Quốc tịch:

Nghề nghiệp:

Nơi ở hiện tại:

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu:; ngày cấp: .../.../; nơi cấp:

<1. Tên tổ chức vi phạm >:

Địa chỉ trụ sở chính:

Mã số doanh nghiệp:

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động:

Ngày cấp: .../.../; nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật ⁽⁵⁾: Giới tính:Chức danh ⁽⁶⁾:2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính ⁽⁷⁾:3. Quy định tại ⁽⁸⁾:

4. Địa điểm xảy ra vi phạm:

5. Các tình tiết liên quan đến việc giải quyết vi phạm (nếu có):

Điều 2. Các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng:

1. Hình thức xử phạt chính ⁽⁹⁾:Mức phạt ⁽¹⁰⁾: (Bằng chữ:))2. Hình thức xử phạt bổ sung (nếu có) ⁽¹¹⁾:3. Biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có) ⁽¹²⁾:

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Quyết định này được:

1. Giao cho ông (bà) ⁽¹³⁾ là cá nhân vi phạm/đại diện cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

a) Trong trường hợp bị xử phạt tiền, ông (bà)/tổ chức có tên tại Điều 1 nộp tiền phạt tại chỗ cho người đã ra quyết định xử phạt.

Trường hợp không nộp tiền phạt tại chỗ, thì ông (bà)/tổ chức có tên tại Điều 1 phải nộp tiền phạt tại ⁽¹⁴⁾ hoặc nộp tiền phạt vào tài khoản số ⁽¹⁵⁾ của ⁽¹⁶⁾ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

b) Thời hạn thực hiện hình thức xử phạt bổ sung là ngày; thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả là ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Nếu quá thời hạn trên mà ông (bà)/tổ chức ⁽¹⁷⁾ không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành.c) Ông (bà)/Tổ chức có tên tại Điều 1 bị tạm giữ ⁽¹⁸⁾ để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt.d) Ông (bà)/Tổ chức ⁽¹⁷⁾ có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.2. Gửi cho ⁽¹⁶⁾ để thu tiền phạt.3. Gửi cho ⁽¹⁹⁾ để tổ chức thực hiện.4. Gửi cho ⁽²⁰⁾ để biết./

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: Hồ sơ.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

* Mẫu này được sử dụng để xử phạt VPHC theo thủ tục không lập biên bản quy định tại Điều 56 Luật XLVPHC.

- (1) Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Trường hợp người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, thì ghi tên cơ quan theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ.
- (2) Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ.
- (3) Ghi đầy đủ tên loại văn bản; số, ký hiệu văn bản; ngày tháng năm ban hành văn bản; tên cơ quan ban hành và tên gọi văn bản (tên của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể).
- (4) Ghi chức danh và cơ quan của người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.
- (5) Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; Ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.
- (6) Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.
- (7) Ghi tóm tắt mô tả hành vi vi phạm.
- (8) Ghi điểm, khoản, điều của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể.
- (9) Ghi rõ một trong các hình thức xử phạt quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật XLVPHC (cảnh cáo hoặc phạt tiền).
- (10) Trường hợp phạt tiền, thì ghi rõ mức tiền phạt bằng số và bằng chữ.
- (11) Ghi chi tiết hình thức xử phạt bổ sung (trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn, thì ghi rõ thời hạn, thời điểm tước hoặc đình chỉ; trường hợp tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, thì ghi rõ tên tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, đơn vị tính, số lượng, chủng loại, tình trạng, chất lượng hoặc số tiền (ghi cả bằng số và bằng chữ) tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để VPHC thuộc trường hợp bị tịch thu, nếu có biên bản kèm theo thì phải ghi rõ).
- (12) Ghi cụ thể các biện pháp khắc phục hậu quả mà cá nhân/tổ chức vi phạm phải thực hiện.
- (13) Ghi họ và tên của cá nhân vi phạm/người đại diện tổ chức vi phạm.
- (14) Ghi đầy đủ tên, địa chỉ Kho bạc NN hoặc tên, địa chỉ Ngân hàng thương mại được Kho bạc NN ủy nhiệm thu tiền phạt.
- (15) Ghi số tài khoản mà cá nhân/tổ chức vi phạm phải nộp tiền phạt trực tiếp hoặc chuyển khoản.
- (16) Ghi tên của Kho bạc nhà nước.
- (17) Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức vi phạm.
- (18) Trong trường hợp quyết định xử phạt chỉ áp dụng hình thức phạt tiền mà cá nhân/tổ chức vi phạm không có tiền nộp phạt tại chỗ, thì ghi rõ một trong các loại giấy tờ được tạm giữ quy định tại khoản 6 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính.
- (19) Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định.
- (20) Ghi họ và tên của cha/mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên trong trường hợp người chưa thành niên bị xử phạt cảnh cáo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật xử lý vi phạm hành chính.

CƠ QUAN ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-XPVPHC

⁽²⁾, ngày tháng năm.....**QUYẾT ĐỊNH****Xử phạt vi phạm hành chính***

Căn cứ Điều 57, Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ ⁽³⁾

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số/BB-VPHC lập ngày/..../..... ;

Căn cứ Biên bản phiên giải trình trực tiếp số/BB-GTTT lập ngày/..../..... (nếu có);

Căn cứ Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số/BB-XM lập ngày/..../..... (nếu có);

Căn cứ Quyết định về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số/QĐ-GQXP ngày/..../..... (nếu có),

Tôi:

Chức vụ ⁽⁴⁾:**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Xử phạt vi phạm hành chính đối với <ông (bà)/tổ chức> có tên sau đây:

<1. Họ và tên>: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:/..../..... Quốc tịch:

Nghề nghiệp:

Nơi ở hiện tại:

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu:; ngày cấp:/..../.....;
nơi cấp:

<1. Tên tổ chức vi phạm >:

Địa chỉ trụ sở chính:

Mã số doanh nghiệp:

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động:

Ngày cấp:/..../.....; nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật ⁽⁵⁾: Giới tính:Chức danh ⁽⁶⁾:2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính ⁽⁷⁾:3. Quy định tại ⁽⁸⁾:

4. Các tình tiết tăng nặng (nếu có):

5. Các tình tiết giảm nhẹ (nếu có):

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính ⁽⁹⁾:Cụ thể ⁽¹⁰⁾:b) Hình thức xử phạt bổ sung (nếu có) ⁽¹¹⁾:c) Các biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có) ⁽¹²⁾:Thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả ⁽¹³⁾ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do cá nhân/tổ chức vi phạm có tên tại Điều này chi trả.

Ông (bà)/Tổ chức có tên tại Điều này phải hoàn trả số kinh phí là: (Bằng chữ:) cho ⁽¹⁴⁾: là cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính.**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày/..../.....**Điều 3.** Quyết định này được:1. Giao cho ông (bà) ⁽¹⁵⁾ là cá nhân vi phạm/đại diện cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.Ông (bà)/Tổ chức có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà ông (bà)/tổ chức ⁽¹⁶⁾ không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.Trường hợp không nộp tiền phạt trực tiếp cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật xử lý vi phạm hành chính, ông (bà)/tổ chức ⁽¹⁶⁾ phải nộp tiền phạt tại ⁽¹⁷⁾ hoặc nộp tiền phạt vào tài khoản

tiền phạt tại⁽¹⁷⁾ hoặc nộp tiền phạt vào tài khoản số⁽¹⁸⁾ của⁽¹⁹⁾ trong thời hạn ... ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt.

Ông (bà)/Tổ chức⁽¹⁶⁾ có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho⁽¹⁹⁾ để thu tiền phạt.

3. Gửi cho⁽²⁰⁾ để tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: Hồ sơ.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

* Mẫu này được sử dụng để xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục có lập biên bản, hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 57 Luật xử lý vi phạm hành chính.

⁽¹⁾ Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Trường hợp người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, thì ghi tên cơ quan theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ.

⁽²⁾ Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ

⁽³⁾ Ghi đầy đủ tên loại văn bản; số, ký hiệu văn bản; ngày tháng năm ban hành văn bản; tên cơ quan ban hành và tên gọi văn bản (tên của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể).

⁽⁴⁾ Ghi chức danh và cơ quan của người ra quyết định xử phạt, vi phạm hành chính.

⁽⁵⁾ Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; Ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

⁽⁶⁾ Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

⁽⁷⁾ Ghi tóm tắt mô tả hành vi vi phạm.

⁽⁸⁾ Ghi điểm, khoản, điều của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể.

⁽⁹⁾ Ghi rõ hình thức xử phạt chính được áp dụng (cảnh cáo/phạt tiền/tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn/tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính/trục xuất).

⁽¹⁰⁾ Ghi chi tiết theo hình thức xử phạt chính đã áp dụng (trường hợp phạt tiền, thì ghi rõ mức tiền phạt bằng số và bằng chữ; trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc, đình chỉ hoạt động có thời hạn, thì ghi rõ thời hạn, thời điểm tước hoặc đình chỉ; trường hợp tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, thì ghi rõ số lượng, giá trị tang vật, phương tiện vi phạm bị tịch thu, nếu có biên bản kèm theo thì phải ghi rõ).

⁽¹¹⁾ Ghi chi tiết hình thức xử phạt bổ sung (trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn, thì ghi rõ thời hạn, thời điểm tước hoặc đình chỉ; trường hợp tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, thì ghi rõ tên tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, đơn vị tính, số lượng, chủng loại, tình trạng, chất lượng hoặc số tiền (ghi cả bằng số và bằng chữ) tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để VPHC thuộc trường hợp bị tịch thu, nếu có biên bản kèm theo thì phải ghi rõ).

⁽¹²⁾ Ghi cụ thể các biện pháp khắc phục hậu quả mà cá nhân/tổ chức vi phạm phải thực hiện.

⁽¹³⁾ Ghi cụ thể thời hạn thực hiện của từng biện pháp khắc phục hậu quả.

⁽¹⁴⁾ Trong trường hợp khẩn cấp, cần khắc phục ngay hậu quả để kịp thời bảo vệ môi trường, bảo đảm giao thông, cơ quan nhà nước đã tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính, thì ghi tên của cơ quan đã thi hành biện pháp khắc phục hậu quả.

⁽¹⁵⁾ Ghi họ và tên của cá nhân vi phạm/người đại diện tổ chức vi phạm.

⁽¹⁶⁾ Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức vi phạm.

⁽¹⁷⁾ Ghi đầy đủ tên, địa chỉ Kho bạc NN hoặc tên, địa chỉ Ngân hàng thương mại được Kho bạc NN ủy nhiệm thu tiền phạt.

⁽¹⁸⁾ Ghi số tài khoản mà cá nhân/tổ chức vi phạm phải nộp tiền phạt trực tiếp hoặc chuyển khoản.

⁽¹⁹⁾ Ghi tên của Kho bạc nhà nước.

⁽²⁰⁾ Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định.